

Số: 185 /XN-DP

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 0191.19



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Người lấy mẫu : YS. Luân

Địa điểm lấy mẫu : Xí nghiệp cấp nước TT. Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng

Ngày lấy mẫu : 20/3/2019

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN

Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 500mL x 2

Ngày nhận mẫu : 20/03/2019

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hoá chất cố định.

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu                                              | Phương pháp                                           | Kết quả             | Tiêu chuẩn          | Ngày xét nghiệm |
|-----|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|-----------------|
| 1   | Coliforms tổng số (CFU/100mL)                         | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)                             | 0                   | 0                   | 21/03/2019      |
| 2   | Escherichia coli (CFU/100mL)                          | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)                             | 0                   | 0                   | 21/03/2019      |
| 3   | Chỉ số pecmanganat (mg/L)                             | TCVN 6186- 1996 (*)                                   | 0,48                | 2                   | 21/03/2019      |
| 4   | Clo dư (mg/L)                                         | SMEWW 4500 - Cl F-2012                                | 0,36                | 0,3 - 0,5           | 20/03/2019      |
| 5   | Clorua (mg/L)                                         | SMEWW 4500 - Cl <sup>-</sup> B - 2012 (*)             | 106,00              | 250,00              | 21/03/2019      |
| 6   | Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO <sub>3</sub> (mg/L) | SMEWW 2340C - 2012 (*)                                | 160,00              | 300,00              | 21/03/2019      |
| 7   | Độ đục (NTU)                                          | SMEWW 2130B - 2012                                    | 0,61                | 2                   | 20/03/2019      |
| 8   | Độ màu (màu sắc) (TCU)                                | SMEWW 2120C - 2012 (*)                                | 5,54                | 15                  | 20/03/2019      |
| 9   | Mangan tổng số (mg/L)                                 | SMEWW 3500 Mn - B - 2012 (*)                          | 0,06                | 0,3                 | 20/03/2019      |
| 10  | Mùi vị                                                | Cảm quan                                              | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | 21/03/2019      |
| 11  | Nitrate (mg/L)                                        | TCVN 6180- 1996                                       | 0,75                | 50                  | 20/03/2019      |
| 12  | Nitrite (mg/L)                                        | SMEWW 4500- NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> B - 2012 (*) | 0,03                | 3                   | 20/03/2019      |
| 13  | pH                                                    | TCVN 6492:2011 (*)                                    | 6,96                | 6,5 - 8,5           | 21/03/2019      |
| 14  | Sắt tổng cộng (mg/L)                                  | SMEWW 3500 Fe - B - 2012                              | 0,02                | 0,3                 | 20/03/2019      |
| 15  | Sulphat (mg/L)                                        | SMEWW 427 C - 2012                                    | 92,1                | 250                 | 20/03/2019      |

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.



Mã số mẫu: 0191.19

| Stt | Chỉ tiêu | Phương pháp | Kết quả | Tiêu chuẩn | Ngày xét nghiệm |
|-----|----------|-------------|---------|------------|-----------------|
|-----|----------|-------------|---------|------------|-----------------|

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.



TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

*[Signature]*

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

Sóc Trăng, ngày 02 tháng 4 năm 2019

GIÁM ĐỐC



BS. CKII. Võ Quang Hà

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

| STT | Chỉ tiêu                     | Phương pháp                   | Kết quả            | Tiêu chuẩn         | Ngày xét nghiệm |
|-----|------------------------------|-------------------------------|--------------------|--------------------|-----------------|
| 1   | Coliform tổng số (CFU/100ml) | ISO 9308 - 1:2014 (F)         | 0                  | 0                  | 21/03/2019      |
| 2   | Coliform faecal (CFU/100ml)  | ISO 9308 - 1:2014 (F)         | 0                  | 0                  | 21/03/2019      |
| 3   | Coliform tổng số (mg/L)      | TCVN 6180-1:2014 (F)          | 0.48               | 0.48               | 21/03/2019      |
| 4   | Coliform tổng số (mg/L)      | SMENW 4500 - Cl-P-2012        | 0.36               | 0.3 - 0.5          | 20/03/2019      |
| 5   | Coliform tổng số (mg/L)      | SMENW 4500 - Cl-P-2012        | 108.00             | 250.00             | 21/03/2019      |
| 6   | Coliform tổng số (mg/L)      | SMENW 2340C - 2012 (F)        | 160.00             | 200.00             | 21/03/2019      |
| 7   | Coliform tổng số (mg/L)      | SMENW 2130B - 2012            | 0.61               | 2                  | 20/03/2019      |
| 8   | Coliform tổng số (mg/L)      | SMENW 2120C - 2012 (F)        | 8.54               | 15                 | 20/03/2019      |
| 9   | Coliform tổng số (mg/L)      | SMENW 3500 MPN - E - 2012 (F) | 0.08               | 0.3                | 20/03/2019      |
| 10  | Coliform tổng số (mg/L)      | Coliform                      | Không có một vị là | Không có một vị là | 21/03/2019      |
| 11  | Coliform tổng số (mg/L)      | TCVN 6180-1:2014 (F)          | 0.75               | 30                 | 20/03/2019      |
| 12  | Coliform tổng số (mg/L)      | SMENW 4500 - Cl-P-2012        | 0.03               | 3                  | 20/03/2019      |
| 13  | Coliform tổng số (mg/L)      | TCVN 6180-1:2014 (F)          | 6.96               | 6.5 - 8.5          | 21/03/2019      |
| 14  | Coliform tổng số (mg/L)      | SMENW 3500 MPN - E - 2012     | 0.02               | 0.3                | 20/03/2019      |
| 15  | Coliform tổng số (mg/L)      | SMENW 4500 - Cl-P-2012        | 92.1               | 250                | 20/03/2019      |



Số: 184 /XN-DP

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 0192.19



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Người lấy mẫu : YS. Luân

Địa điểm lấy mẫu : Huỳnh Thị Ý, TT. Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng

Ngày lấy mẫu : 20/3/2019

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN

Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 500mL x 2

Ngày nhận mẫu : 20/03/2019

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hoá chất cố định.

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

| Stt | Chỉ tiêu                      | Phương pháp               | Kết quả             | Tiêu chuẩn          | Ngày xét nghiệm |
|-----|-------------------------------|---------------------------|---------------------|---------------------|-----------------|
| 1   | Coliforms tổng số (CFU/100mL) | ISO 9308 - 1:2014( E) (*) | 0                   | 0                   | 21/03/2019      |
| 2   | Escherichia coli (CFU/100mL)  | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*) | 0                   | 0                   | 21/03/2019      |
| 3   | Chỉ số pecmanganat (mg/L)     | TCVN 6186- 1996 (*)       | 0,26                | 2                   | 21/03/2019      |
| 4   | Clo dư (mg/L)                 | SMEWW 4500 - Cl F-2012    | 0,35                | 0,3 - 0,5           | 20/03/2019      |
| 5   | Độ đục (NTU)                  | SMEWW 2130B - 2012        | 0,1                 | 2                   | 20/03/2019      |
| 6   | Độ màu (màu sắc) (TCU)        | SMEWW 2120C - 2012 (*)    | 5,13                | 15                  | 20/03/2019      |
| 7   | Mùi vị                        | Cảm quan                  | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | 21/03/2019      |
| 8   | Sắt tổng cộng (mg/L)          | SMEWW 3500 Fe - B - 2012  | 0,15                | 0,3                 | 20/03/2019      |

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

*luuall*

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

Sóc Trăng, ngày 22 tháng 4 năm 2019

GIÁM ĐỐC



BS. CKII. Võ Quang Hà